

Biểu mẫu 02

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MN BÀU CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	272	0	46	45	60	67	54
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	272	0	46	45	60	67	54
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	272	0	46	45	60	67	54
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	272	0	46	45	60	67	54
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	272	0	46	45	60	67	54
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	261	0	46	43	57	62	53
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	272	0	46	45	60	67	54
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0

5	Số trẻ thừa cân béo phì	11	0	0	2	3	5	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	272	0	46	45	60	67	54
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	91	0	46	45	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	181	0	0	0	60	67	54

Tân Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Phương Thảo

Biểu mẫu 03

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MN BÀU CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	18	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	18	-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1990.8	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	253.5	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1152	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	1152	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	352	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	137.2	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	64	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	192	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	150	

VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	18	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	05	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	48 máy vi tính 02 máy chiếu 01 Bảng tương tác	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	02 bộ âm thanh 20 bộ ti vi 20 đầu đĩa	1 máy tính/ lớp 1 tivi/ lớp 1 đầu đĩa/ lớp
1	...		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	80	352	352	1.92	1.92
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	

XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Tân Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Phương Thảo

[illegible]

Tân Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Phương Thảo

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BÀU CÁT

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học
2021 - 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	Chuyên cần: đạt 90% Trẻ nhanh chóng thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. Trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. Số trẻ được ăn bán trú Nhà trẻ: 91 trẻ, tỉ lệ: 33,5%; Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi + Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào: 0/91, tỉ lệ: 0% + Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm: 0/91, tỉ lệ: 0% + Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm: 0/0, tỉ lệ: 0% + Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào: 0/91, tỉ lệ: 0% + Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm: 0/91, tỉ lệ: 0%	Chuyên cần : + Trẻ dưới 5 tuổi : 92%. + Trẻ 5 tuổi : 97% Trẻ có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế và có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. Trẻ có 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. + Số trẻ được ăn bán trú Mẫu giáo: 181 trẻ, tỉ lệ: 66,5%; Trẻ mẫu giáo 5 tuổi 54 trẻ , tỉ lệ: 19,9%

		+ Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm: 0/0, tỉ lệ: 0% + Số trẻ thừa cân, béo phì đầu vào: 02/91, tỉ lệ: 2,1% + Số trẻ thừa cân, béo phì giảm: 0/91, tỉ lệ: 0% + Số trẻ thừa cân, béo phì giảm 0/2, tỉ lệ: 0%	+ Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào: 1/181, tỉ lệ: 0,55 % + Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm: 1/181, tỉ lệ: 100% + Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm: 1/1, tỉ lệ: 100% + Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào: 0/181, tỉ lệ: 0% + Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm: 0/181, tỉ lệ: 0% + Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm: 0/0, tỉ lệ: 0% + Số trẻ thừa cân, béo phì đầu vào: 16/181, tỉ lệ: 8,8% + Số trẻ thừa cân, béo phì giảm: 07/181, tỉ lệ: 3,8% + Số trẻ thừa cân, béo phì giảm: 07/16, tỉ lệ: 43,7%.
II	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	GV xây dựng kế hoạch giảng dạy theo chương trình Mind, khai thác nguồn tài nguyên trên mạng internet và phần mềm chương trình Active trên bảng tương tác để tổ chức hoạt động học cho trẻ, Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý theo chương trình Midijet-Mindmanager, cập nhật thông tin của Sở giáo dục, hoạt động	Xây dựng Kế hoạch và thực hiện chương trình GDMN, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quan điểm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trong nhà trường. + Tổ chức thi Xây dựng môi trường lấy trẻ làm

		giảng dạy và các chế độ báo cáo theo chương trình Quản lý Học sinh Growchat, CSDL ngành. Các nội dung khác: Giáo dục trẻ các kỹ năng như: - Kỹ năng nghe - Kỹ năng cầm nắm - Kỹ năng xâu - Kỹ năng vò - Kỹ năng quan sát - Kỹ năng phân biệt kích thước - Kỹ năng phân biệt hình dạng - * Hưởng ứng các Lễ hội – Các sự kiện phát sinh trong năm.	trung tâm (16 giáo viên/08 lớp mẫu giáo – tỉ lệ 100% tham gia) đạt hiệu quả. Các nội dung khác: Thực hiện các chủ đề giáo dục trong chương trình và hưởng ứng các Lễ hội - sự kiện phát sinh trong năm như: - Ngày 8/3 - Giỗ Tổ Hùng Vương - 30/4-01/5 - Sinh nhật Bác Hồ - Quốc tế Thiếu nhi 01/6
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Phát triển thể chất: 95% - Phát triển nhận thức: 95% - Phát triển ngôn ngữ: 93% - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 92%	- Phát triển thể chất: 98% - Phát triển nhận thức: 97% - Phát triển ngôn ngữ: 98% - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội: 98% - Phát triển thẩm mỹ: 95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.	Phòng sinh hoạt chung làm nơi học tập ăn, ngủ cho trẻ đảm bảo 4,23 m²/1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà lát sàn gỗ. Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế	Phòng sinh hoạt chung làm nơi học tập ăn, ngủ cho trẻ đảm bảo 4,23 m²/1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà lát gạch màu sáng. Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn,

		của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. Phòng ngủ đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: chiếu, nệm, gối, mũ, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. Phòng vệ sinh: đảm bảo 1,29m²/1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, ghế ngồi bồn.	ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. Phòng ngủ đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: chiếu, nệm, gối, mũ, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. Phòng vệ sinh: đảm bảo 1,29m²/1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, chỗ đi tiểu và bệ xí cho bé trai và bé gái.
--	--	--	--

Tân Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Phương Thảo